

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Ôn tập Thực hành tiếng Việt

1. Ôn tập về từ

a. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	B	D	A	A	B	A	D	B	B	C

b. Tự luận

Câu 1:

- a. Rầu rầu, xanh xanh, ẩm ẩm.
- b. Lơ thơ, đìu hiu, chót vót.
- c. Áo ào
- d. Vênh vênh, lênh kênh.

Câu 2:

Từ ghép	Từ láy
Xanh thắm, đỏ tươi, xấu hổ, máu mủ, hoàng hôn, tốt tươi, học hỏi, học hành, mơ mộng.	Xanh xanh, xanh xao, đỏ đỏ, xấu xa, xấu xí, máu me, tôn tốt, mơ màng.

Câu 3:

- **mơ hồ:** Tôi có cảm giác *mơ hồ* rằng mình đã từng gặp người ấy ở đâu đó.
- **mơ màng:** Sáng sớm, tôi vẫn còn *mơ màng* nên không nghe rõ tiếng chim hót ngoài vườn.
- **mơ mộng:** Cô bé thích ngồi dưới gốc phượng, thả hồn *mơ mộng* về những chuyến phiêu lưu khắp thế giới.
- **nhánh nhẩu:** Cậu bé *nhánh nhẩu* chạy đi lấy ghế cho bà cụ.

- **nhanh nhẹn:** Con sóc *nhanh nhẹn* chuyển cành, thoát cái đã biến mất trong tán lá.

Câu 4:

- a. Ở đây “nói” mang nghĩa *phát biểu, thốt ra thành lời* những điều mình đang nghĩ.
- b. “Nói” được dùng theo nghĩa *sử dụng một ngôn ngữ để giao tiếp*.
- c. Trong câu này, “nói” có nghĩa *bàn tán, đồn đại, nhắc đến ai đó*.
- d. “Nói” xuất hiện trong thành ngữ “nói lên”, mang nghĩa *biểu đạt, chứng minh, làm lộ rõ*.

Câu 5:

- a. Thành ngữ: của ngon vật lạ.

Ý nghĩa: Chỉ những thức ăn hoặc lễ vật quý hiếm, thượng hạng; nói rộng ra là tất cả những thứ tốt đẹp, giá trị nhất được mang tới để biếu tặng hay thiết đãi.

- b. Thành ngữ: lớn nhanh như thổi.

Ý nghĩa: Miêu tả sự phát triển, tăng trưởng cực kỳ nhanh chóng, vượt xa bình thường, “vùn vụt” như thổi vừa thổi phồng lên.

- c. Thành ngữ: chia ngọt sẻ bùi.

Ý nghĩa: Cùng nhau san sẻ cả những điều ngọt ngào (niềm vui, thành công) lẫn những điều cay đắng, khó khăn (gian khổ, mất mát). Thành ngữ ca ngợi tình gắn bó bền chặt, đồng cam cộng khổ giữa những người thân thiết (vợ chồng, bạn bè, đồng đội...).

- d. Thành ngữ: vui như mở cờ.

Ý nghĩa: Vui mừng tốt độ, phấn khởi ra mặt, giống như không khí rộn ràng khi giương cờ mừng chiến thắng hoặc lễ hội. Thành ngữ nhấn mạnh cảm xúc hân hoan, hồ hởi cao độ.

Câu 6:

- a. Sai: Cặp “vì ... mà” dùng để nêu nguyên nhân → kết quả; thông thường mệnh đề sau phải là hệ quả *đương nhiên* của mệnh đề trước. Ở

đây, hoàn cảnh khó khăn không khiến kết quả diễn ra *tất yếu* (trái lại, hai chị em “vẫn” vượt khó).

Sửa: thay bằng cặp liên từ diễn tả đối lập (mặc dù/ tuy... nhưng)

- **Mặc dù/Tuy** gia đình có hoàn cảnh khó khăn, **nhưng** hai chị em vẫn vươn lên trong học tập.

b. Sai (dùng chưa hợp): Cặp “càng ... càng” diễn tả *hai mức độ biến thiên tương ứng* (tăng–tăng, giảm–giảm...). Ý câu chỉ muốn liệt kê hai phẩm chất nổi bật chứ không so sánh mức độ.

Sửa: thay bằng cặp liên từ liệt kê – bổ sung (không những... mà còn)

- **Không những** học giỏi, **mà** Lan **còn** ngoan ngoãn và chăm chỉ.

c. Sai: Quan hệ từ “nếu ... nhưng” dùng trong câu gốc không song hành (kết hợp điều kiện “nếu” với liên từ đối lập “nhưng”).

Sửa: thay bằng cặp liên từ nhượng bộ “dù ... nhưng” (hoặc “mặc dù/tuy ... nhưng”)

- Dù trời mưa nhưng chúng tôi vẫn đi dã ngoại.

d. Sai: Vế đầu dùng “thông qua”, vế sau dùng “bằng” → lệch cấu trúc song hành.

Sửa: thay bằng liên từ so sánh tương phản

- Không nên đánh giá người khác **chỉ qua** ngoại hình, **mà nên đánh giá** họ **qua** những hành động, cử chỉ, cách đối xử của họ.

(*Có thể dùng “dựa vào ... dựa vào ...” hoặc “qua ... qua ...”,*)

Câu 7: Các cụm danh từ: những chiếc khăn màu, những bàn tay, những đôi mắt ướt, đôi mắt, chôn này.

Câu 8:

a. Gặp gỡ - yết kiến

b. Mất - hi sinh

c. Bào chữa - bệnh vực

d. Anh em - Huynh đệ